TÒA ÁN NHÂN DÂN **Q. HAI BÀ TRƯNG** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI** **----------***----------**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** **----------*****----------**

Bản án số: **54**/2024/KDTM-ST
Ngày: 28/11/2024
V/v: Tranh chấp hợp đồng MB hàng hóa

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HAI BÀ TRƯNG, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*:** bà **Phan Thanh Hà**
***Các Hội thẩm nhân dân*:** ông **Vũ Ngọc Hòa**
ông **Trịnh Tiến Nam**
***Thư ký ghi biên bản phiên toà*:** bà **Đinh Thị Thủy** cán bộ Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.
***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng, Hà Nội tham gia phiên tòa*:** bà **Lê Thị Huyền** - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 28/2024/TLST-KDTM, ngày 09/7/2024, về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 164/2024/QĐST-KDTM ngày 16/10/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 125/2024 ngày 12/11/2024, giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn*: Công ty TNHH S**

Trụ sở: xóm B, xã U, huyện H, H
Người đại diện theo pháp luật: ông Phạm Văn Điệp - chức vụ: Giám đốc
Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: bà Phạm Thị Hoài Phương – Trưởng phòng KTTC; Trú tại: số 2 ngõ 373, phường Hồng Hà, Phúc Tân, Hoàn Kiếm, Hà Nội (theo văn bản ủy quyền ngày 21/6/2024)

- ***Bị đơn*: Công ty CP xây dựng & ứng dụng công nghệ D**

Trụ sở tại: tầng 3, tòa nhà D, số 81 phố L, phường V, H, thành phố H
Người đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn Minh Hiền - chức vụ: Tổng giám đốc.
Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: bà Hoàng Thị Thảo - chức vụ: nhân viên kế toán; Trú tại: tổ 19 phường Yên Sở, quận Hoàng Mai, Hà Nội (theo văn bản ủy quyền ngày 19/9/2024)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 21/6/2024 và những lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của Công ty TNHH S do bà Phạm Thị Hoài Phương trình bày:

Ngày 07/03/2022 Công ty TNHH S (cty Selim) (bên B) và Công ty CP xây dựng & ứng dụng công nghệ D (cty Delta-V) (bên A) có ký kết hợp đồng mua bán số 0703/2022/HĐMB/DELTAV-SELIM về việc bên A đồng ý giao và bên B đồng ý nhận "Thiết kế, sản xuất và cung cấp Gangform, tư vấn kỹ thuật" cho Bên A tại

dự án Vincity Grand Park- Phân khu 3 với nội dung chính như sau: Tổng giá trị Hợp đồng là 8.734.912.032 đồng (*tám tỷ bảy trăm ba mươi tư triệu chín trăm mười hai ngàn không trăm ba mươi hai đồng*); Thời hạn giao hàng dự kiến từ ngày 15/3/2022 và kết thúc ngày 10/4/2022; Giá trị thanh toán: Theo khối lượng thực tế giao nhận; Điều khoản thanh toán: Tạm ứng 40% giá trị hợp đồng sau thuế; Thanh toán đến 90% giá trị Hợp đồng sau khi hoàn thành giao hàng; Thanh toán đến 100% giá trị thực hiện sau khi đổ bê tông tầng thứ 3; Thời hạn thanh toán: 30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị thanh toán của bên B.

Quá trình thực hiện Hợp đồng: Bên B đã thiết kế, hoàn thành sản xuất và giao toàn bộ hàng hóa đến dự án của bên A ngày 12/4/2022. Sau khi hoàn thành công tác giao hàng, bên B đã lập biên bản xác nhận hoàn thành công tác giao hàng gửi đại diện bên A ký xác nhân ngày 22/4/2022, bên B đã lập hồ sơ thanh toán trình bên A phê duyệt và xuất hóa đơn GTGT ngày 09/06/2022 với giá trị thực tế thực hiện 7.981.474.632 đồng, thời hạn thanh toán chậm nhất ngày 9/7/2022 (trong vòng 30 ngày kể từ ngày bên A nhận hồ sơ thanh toán từ bên B, lấy ngày xuất hóa đơn làm mốc tính thời điểm hoàn thành hồ sơ, mặc dù bên B đã gửi hồ sơ trước đó rất lâu nhưng bên A chưa phê duyệt).

Ngày 31/10/2022, hai bên đã ký biên bản thanh lý hợp đồng, nội dung ghi rõ số tiền bên A phải trả bên B là **3.472.509.819 đồng** (*ba tỷ bốn trăm bảy mươi hai triệu năm trăm lẻ chín ngàn tám trăm mười chín đồng*) và xác nhận bên B đã hoàn thành nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng.

Ngày 31/12/2022, hai bên đã lập bản đối chiếu công nợ, thể hiện bên A còn nợ bên B số tiền 1.672.509.819 đồng. Ngày 07/11/2022 và ngày 09/12/2022, cty Dđã trả cho cty Ssố tiền là 300.000.000đ. Đến nay còn nợ số tiền gốc là 1.372.509.819đ.

Nay, để bảo vệ quyền lợi cho cty, chúng tôi đề nghị Tòa án giải quyết những vấn đề sau đây: Buộc công ty D phải thanh toán trả cho chúng tôi số tiền nợ gốc là: 1.672.509.819 đồng và Lãi chậm trả (tạm tính đến ngày 31/5/2024) là 536.758.753đồng. Tổng cộng: **2.209.268.572**đ và còn phải tiếp tục chịu lãi đến thời điểm thanh toán xong toàn bộ số tiền nợ gốc. Trên đây là nội dung yêu cầu khởi kiện của công ty Selim, ngoài ra công ty không yêu cầu gì khác.

Bị đơn là công ty cổ phần xây dựng & ứng dụng công nghệ Ddo bà Hoàng Thị Thảo làm đại diện theo ủy quyền trình bày: công ty cổ phần Xây dựng & ứng dụng công nghệ D xác nhận, ngày 07/03/2022, chúng tôi có ký hợp đồng mua bán với Công ty TNHH S số 0703/2022/HĐMB/D-S với các hạng mục: Thiết kế, sản xuất và cung cấp Gangform tại dự án: Vincity Grand Park - Phân khu 3, địa điểm: quận 9, TP Thủ Đức, thành phố HCM. Tổng giá trị hợp đồng: 8.734.912.032đ.

Ngày 09/06/2022, cty Ssuất hóa đơn số 11: Giá trị khối lượng Gangform thực tế đợt 1 trị giá: 7.981.474.632đ; Ngày 28/7/2023, cty Ssuất hóa đơn số 32: điều chỉnh giảm giá trị quyết toán trị giá: 15.000.000đ. Tổng cộng, cty Sđã xuất hóa đơn: 7.966.474.632đ.

Theo các biên bản đối chiếu, giao nhận hàng hóa và háo đơn giữa cty Dvà cty Selim, chúng tôi đã có kế hoạch trả tiền. Tuy nhiên, do tình hình khó khăn chung của xã hội cũng như của cty Delta-V, nên kế hoạch trả nợ không được như mong muốn. Nay cty chúng tôi có đề nghị và mong muốn cty Stạo điều kiện cho chúng tôi

như sau: Khoản nợ theo hợp đồng nêu trên, tính đến hết ngày 31/12/2023, cty Deta-V còn nợ cty Ssố tiền là: 1.772.509.819đ. Trong năm 2024, cty Dcũng đã cố gắng thanh toán trả cho cty Sđược 02 lần vào các ngày 07/02/2024 số tiền: 100.000.000đ; ngày 28/6/2024 số tiền 300.000.000đ. Như vậy công nợ tính đến ngày 05/9/2024 cty Dcòn nợ cty Ssố tiền: 1.372.509.819đ. Phía cty Dđang cố gắng để thanh toán hết số tiền gốc nêu trên cho cty Selim.

Đối với khoản tiền lãi mà cty Sthông báo, cty D xin được miễn trả, vì điều kiện khó khăn, hơn nữa, cty D cũng bị các cty khác chậm thanh toán mà cũng không được trả lãi. Cty Dcó kế hoạch thanh toán toàn bộ khoản gốc nêu trên trong vòng 09 tháng kể từ ngày hai bên thỏa thuận tại Tòa án.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn trình bày: Vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đối với công ty Delta-V. Buộc công ty Dphải thanh toán trả cho công ty S số tiền theo hợp đồng là: **1.820.658.482đ,** trong đó gốc là: 1.372.509.819đ và Lãi chậm thanh toán là: 448.148.663đ (tính đến ngày xét xử 28/11/2024) và tiếp tục tính lãi cho đến khi cty Dthanh toán xong toàn bộ tiền gốc. Ngoài ra công ty S không yêu cầu hay đề nghị gì khác.

- Đại diện bị đơn trình bày: Cty D xác nhận nội dung khởi kiện của nguyên đơn. Cty chúng tôi vẫn mong muốn cty Stạo điều kiện cho cty chúng tôi được dãn thanh toán số tiền gốc trong vòng 09 tháng kể từ ngày án có hiệu lực và xin được miễn số tiền lãi. Với điều kiện hiện nay, cty chúng tôi đang hết sức khó khăn nên cty chúng tôi có đề suất như sau: Chậm nhất ngày 30/12/2024 cty sẽ thanh toán trả cty Ssố tiền 500 triệu đồng; từ tháng 01/2025 đến tháng 5/2025 sẽ thanh toán toàn bộ nợ gốc còn lại. Đối với số tiền chậm trả (lãi suất) cty chúng tôi mong muốn được khoanh lại và xin được trả là 100 triệu đồng. Ngoài ra không phải trả thêm bất cứ khoản nào.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng phát biểu ý kiến: Kể từ khi thụ lý vụ án, thẩm phán đã thực hiện đúng trình tự tố tụng, đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đảm bảo đúng theo quy định từ điều 198 đến điều 233 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành pháp luật đúng theo quy định tại Chương 6 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về nội dung vụ án:

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của công ty S đối với công ty D

+ Buộc công ty Dphải thanh toán trả công ty S số tiền là: **1.820.658.482đ,** trong đó gốc là: 1.372.509.819đ và Lãi chậm thanh toán là: 448.148.663đ (tính đến ngày xét xử 28/11/2024) và tiếp tục tính lãi cho đến khi cty Dthanh toán xong toàn bộ tiền gốc.

+ Công ty D phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

+ Hoàn trả công ty S số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ được thu thập hợp lệ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là "Tranh chấp hợp đồng mua bán", bị đơn có trụ sở theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, tại địa chỉ: số 81 phố Lạc Trung, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Theo hồ sơ thể hiện cùng các tài liệu do nguyên đơn giao nộp có trong hồ sơ vụ án thì, công ty S và công ty Dđã cùng nhau ký hợp đồng mua bán số 0703/2022/HĐMB/D - D ngày 07/3/2022 với nội dung công ty Dgiao cho công ty S công việc: "Thiết kế, sản xuất và cung cấp Gangform, tư vấn kỹ thuật" tại dự án Vincity Grand Park – Phân khu 3; Giá trị hợp đồng: 8.734.912.032đ; Thời hạn giao hàng dự kiến từ ngày 15/3/2022 và kết thúc ngày 10/4/2022; Giá trị thanh toán: Theo khối lượng thực tế giao nhận; Điều khoản thanh toán: Tạm ứng 40% giá trị hợp đồng sau thuế; Thanh toán đến 90% giá trị Hợp đồng sau khi hoàn thành giao hàng; Thanh toán đến 100% giá trị thực hiện sau khi đổ bê tông tầng thứ 3; Thời hạn thanh toán: 30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị thanh toán của bên B.

Quá trình thực hiện Hợp đồng: Bên B đã thiết kế, hoàn thành sản xuất và giao toàn bộ hàng hóa đến dự án của bên A ngày 12/4/2022. Sau khi hoàn thành công tác giao hàng, bên B đã lập biên bản xác nhận hoàn thành công tác giao hàng gửi đại diện bên A ký xác nhân ngày 22/4/2022, bên B đã lập hồ sơ thanh toán trình bên A phê duyệt và xuất hóa đơn GTGT ngày 09/06/2022 với giá trị thực tế thực hiện 7.981.474.632 đồng, thời hạn thanh toán chậm nhất ngày 9/7/2022 (trong vòng 30 ngày kể từ ngày bên A nhận hồ sơ thanh toán từ bên B, lấy ngày xuất hóa đơn làm mốc tính thời điểm hoàn thành hồ sơ, mặc dù bên B đã gửi hồ sơ trước đó rất lâu nhưng bên A chưa phê duyệt).

Ngày 31/10/2022, hai bên đã ký biên bản thanh lý hợp đồng, nội dung ghi rõ số tiền bên A phải trả bên B là **3.472.509.819 đồng** (*ba tỷ bốn trăm bảy mươi hai triệu năm trăm lẻ chín ngàn tám trăm mười chín đồng*) và xác nhận bên B đã hoàn thành nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng.

Ngày 31/12/2022, hai bên đã lập bản đối chiếu công nợ, thể hiện bên A còn nợ bên B số tiền 1.672.509.819 đồng. Ngày 07/11/2022 và ngày 09/12/2022, cty Dđã trả cho cty SHitech Vina số tiền là 300.000.000đ. Đến nay còn nợ số tiền gốc là 1.372.509.819đ.

Hội đồng xét xử thấy: việc ký kết hợp đồng giữa hai bên là tự nguyện, đã được xác định bằng chữ ký và con dấu của những người có thẩm quyền, hơn nữa hợp đồng này đã được các bên tự nguyện thực hiện và không có tranh chấp cho đến khi thanh toán hợp đồng, chốt nợ giữa hai bên nên được xác định là hợp pháp. Công ty S đã thực hiện xong các nội dung theo hợp đồng đã ký kết. Hai bên đã lập bảng tổng hợp giá trị quyết toán, xác định giá trị khối lượng mà công ty S đã hoàn thành, sau đó đã ký Biên bản nghiệm thu và thanh lý hợp đồng; Công ty S đã xuất hóa đơn GTGT gửi cho cty Dtheo đúng thỏa thuận trong hợp đồng. Trên cơ sở đó, công ty Dđã thanh toán một phần giá trị theo hợp đồng. Như vậy, tính đến thời điểm khởi kiện, cty Dcòn nợ cty Ssố tiền là: **1.372.509.819đ** (*một tỷ ba trăm bảy hai triệu năm trăm*

linh chín nghìn tám trăm mười chín đồng), số tiền này đều đã được hai bên thừa nhận nên Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Đối với yêu cầu lãi suất: Theo quy định tại Điều 12 của hợp đồng, tại mục Phạt chậm thanh toán nêu rõ: "*Trường hợp bên A (cty Delta-V) không thanh toán đúng hạn cho bên B (cty Selim)….bên A phải trả lãi xuất cho bên B theo lãi xuất quá hạn đối với giá trị chậm trả. Lãi xuất quá hạn được tính theo lãi xuất vay kỳ hạn 1 tháng của ngân hàng bên B mở tài khoản, tại thời điểm chậm thanh toán và thời gian quá hạn không quá 30 ngày kể từ ngày đến hạn thanh toán*".

HĐXX thấy như sau: Theo hợp đồng đã ký kết và sự thừa nhận giữa hai bên, thì nội dung trong hợp đồng có quy định rõ ràng về lãi xuất chậm thanh toán như nội dung nêu trên. Trong quá trình thực hiện hợp đồng cty Dđã không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng, *xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của Cty S*nên phải có nghĩa vụ trả tiền lãi tính trên số tiền còn thiếu chưa trả cho Cty Selim.

* Về mức lãi suất: Hội đồng xét xử căn cứ vào sự thỏa thuận của các bên trong hợp đồng để xác định mức lãi xuất chậm trả đối với số tiền chậm trả; căn cứ vào mức lãi suất quá hạn, được tính theo lãi xuất vay kỳ hạn 1 tháng của ngân hàng bên B mở tài khoản (Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam). Theo các văn bản do nguyên đơn cung cấp và được công khai trên các trang Website của ngân hàng quy định về mức lãi suất cho vay quá hạn của ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, nên xác định *lãi suất nợ quá hạn trung bình tại thời điểm xét xử là* 12,8%/năm. Nhưng tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn tự nguyện chỉ yêu cầu lãi suất 9,50% năm (thấp hơn), yêu cầu này không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bị đơn và cũng là quyền của nguyên đơn, không trái quy định của pháp luật, nên HĐXX xác định mức lãi suất chậm trả là 9,50%năm.

Theo quy định của hợp đồng: ngày hoàn thành hồ sơ ngày 06/9/2022, ngày đến hạn thanh toán 09/7/2022 (đợt 1), ngày 22/10/2022 (đợt 2). Cty Dđã chậm thanh toán 837 ngày (tính đến ngày xét xử 28/11/2024). Do đó, số tiền lãi chậm trả trên số tiền gốc chưa thanh toán, thì cty Dphải trả lãi là **448.148.663đ**. (có bảng tính lãi kèm theo).

Từ những phân tích trên, HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của công ty S đối với công ty Dvề việc yêu cầu thanh toán nợ theo Hợp đồng số 0703/2022/HĐMB/DELTAV-SELIM ngày 07/3/2022, buộc công ty Dphải thanh toán trả cho công ty S tổng số tiền là: **1.820.658.482đ,** *(một ty tám trăm hai mươi triệu sáu trăm năm tám nghìn bốn trăm tám hai đồng)* trong đó gốc là: 1.372.509.819đ và Lãi chậm thanh toán là: 448.148.663đ (tính đến ngày xét xử 28/11/2024).

Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên công ty Dphải chịu án phí KDTM có giá ngạch đối với khoản tiền phải thanh toán theo quy định tại Nghị quyết 326 về án phí, lệ phí tòa án là 66.619.754đ.

Hoàn trả công ty S số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại các Điều 271; 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

<u>QUYẾT ĐỊNH</u>:

Áp dụng:

+ Các Điều 30, 35, 39, 147, 227, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

+ Các Điều 274, 275, 278, 280, 385, 386, 387, 398, 401, 422 - Bộ luật dân sự năm 2015;

+Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

+ Điều 26 Luật Thi hành án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH S đối với công ty cổ phần xây dựng & ứng dụng công nghệ Dvề việc: "Tranh chấp hợp đồng mua bán".

2. Buộc công ty Dphải trả cho Công ty S số tiền còn nợ phát sinh từ Hợp đồng số 0703/2022/HĐMB/DELTAV-SELIM ngày 07/3/2022 là: **1.820.658.482đ,** *(một tỷ tám trăm hai mươi triệu sáu trăm năm tám nghìn bốn trăm tám hai đồng)* trong đó gốc là: 1.372.509.819đ và Lãi chậm thanh toán là: 448.148.663đ (tính đến ngày xét xử 28/11/2024).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định trong hợp đồng tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Về án phí:

- Công ty Dphải chịu 66.619.754đ án phí KDTM có giá ngạch.
- Hoàn trả Công ty S số tiền tạm ứng án phí đã nộp 38.092.000đ tại BL số 0024101 ngày 09/7/2024 tại tài khoản chi cục THA dân sự quận Hai Bà Trưng.

4. Về quyền kháng cáo: Công ty Dvà cty Scó quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND quận Hai Bà Trưng
- Chi cục THADS quận Hai Bà Trưng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

Phan Thanh Hà

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các hội thẩm nhân dân ***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa***